TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 51/2025/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 161/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Tòa án nhân dân huyện K nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Địa chỉ trụ sở: số 442 N, phường H, Quận T, nay là phường C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T T P – Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà P T T1, CCCD số: 040190011169 theo Giấy ủy quyền số 2118/UQ-QLN.23 ngày 13/11/2023.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P T T1 là: Bà N T T, CCCD số: 038199003937, theo Giấy ủy quyền số 1601/UQ-CNTL.25 ngày 14/4/2025.

- Bị đơn: Ông Đ H Đ, sinh năm 1992;

CMND số: 012930943; CCCD số: 001092034220;

Nơi đăng ký thường trú: số Z, đường H, thị trấn Y, huyện K, nay là xã P, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

- Các bên xác nhận tạm tính đến hết ngày 04 tháng 8 năm 2025, ông Đ H Đ còn nợ Ngân hàng A theo hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.509.181019 ngày 18/10/2019 (số tài khoản vay: 294361269) và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 24/02/2019 (gồm thẻ số 4791392550383794 và thẻ số 9704163101273585) kèm Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, tổng số tiền nợ là: 90.906.072 đồng, trong đó: nợ gốc: 43.729.792 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.185.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 38.043.050 đồng; Phạt chậm trả: 2.002.229 đồng. Cụ thể như sau:

+ Nợ của hợp đồng cấp tín dụng 25.009.590 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 12.462.665 đồng
Nợ lãi trong hạn: 7.185.000 đồng
Nợ lãi quá hạn: 3.359.695 đồng
Nợ phạt chậm trả: 2.002.229 đồng

+ Nợ thẻ tín dụng:

Thẻ tín dụng số 4791392550383794 là 44.841.946 đồng, trong đó: Nợ gốc 20.437.662 đồng; nợ lãi trong hạn 0 đồng; Nợ lãi quá hạn 24.404.284 đồng; phạt chậm trả 0 đồng.

Thẻ tín dụng số 9704163101273585 là 21.108.536 đồng, trong đó: Nợ gốc 10.829.465 đồng; Nợ lãi trong hạn 0 đồng; Nợ lãi quá hạn 10.279.071 đồng; Nợ phạt chậm trả 0 đồng.

2.2. Về lãi suất: Ông Đ H Đ tiếp tục phải trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất cho Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng A) kể từ ngày 05/8/2025 cho đến khi ông Đ H Đ thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A đã giao kết giữa các bên.

Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất ngân hàng cho vay.

2.3. Phương án và địa điểm trả nợ:

Ông Đ phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng A toàn bộ số tiền còn nợ theo 03 kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- Kỳ trả nợ thứ nhất: Ngày 15/9/2025 ông Đ có trách nhiệm trả 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- Kỳ trả nợ thứ hai: Hạn cuối là ngày 15/10/2025, ông Đ có trách nhiệm trả 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- Kỳ trả nợ cuối cùng: Hạn cuối là ngày 15/11/2025, ông Đ trả toàn bộ số tiền còn nợ.

Trường hợp các ngày thanh toán nêu trên là ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

Số tiền ông Đ trả nợ được ưu tiên trừ hết vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Địa điểm thanh toán: Tại bất cứ phòng giao dịch/chi nhánh nào của Ngân hàng A.

Hình thức thanh toán: Bằng hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản ghi nợ theo Hợp đồng tín dụng, Thẻ tín dụng nêu trên tại Ngân hàng A.

2.4. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Đ H Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thời hạn và số tiền trả nợ của bất cứ kỳ thỏa thuận trả nợ nào thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí sơ thẩm: Ông Đ H Đ tự nguyện chịu 2.272.652 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền 2.117.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0066174 ngày 18/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nay là Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTP.Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hà Thu